

Số: 117 /BC-SNN

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2014 và sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-CP

Thực hiện Văn bản số 3568 /UBND-TH ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc báo cáo triển khai Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2014 và sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 06/12/2012 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí giai đoạn 2012-2016. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Trong 2 năm qua, từ khi Ban chấp hành Trung ương Đảng ban hành Kết luận số 21-KL/TW và sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 82-NQ/CP ngày 06/12/2012 của Chính phủ, Sở Nông nghiệp và PTNT đã thường xuyên chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện tốt việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, 100% cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức được học tập, nghiên cứu đầy đủ các Luật. Triển khai thực hiện việc “*Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh*” gắn với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tổ chức cho 100% cán bộ, đảng viên được học tập tư tưởng tám gương đạo đức Hồ Chí Minh về phẩm chất cách mạng cần, kiệm, liêm chính, chí công, vô tư và về thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Từng bước nâng cao nhận thức, trách nhiệm và có sự chuyển biến tích cực trong việc rèn luyện phẩm chất đạo đức, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí của tập thể và cá nhân, cán bộ, công chức, viên chức.

Sở luôn coi trọng công tác sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nghiêm túc đánh giá những việc chưa làm được, chưa làm đúng quy định để tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đúng đường lối, chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước. Chỉ đạo cán bộ thuộc diện hàng năm tiến hành kê khai tài sản, thu nhập; phân công cán bộ theo dõi, quản lý, khai thác bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức theo đúng quy định.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Việc ban hành văn bản về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo thẩm quyền, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: Sở Nông nghiệp và PTNT đã cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước có liên quan đến nội dung, chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; hàng năm xây dựng Chương trình hành động, thực hành tiết kiệm chống lãng phí; Quy chế dân chủ ở cơ sở; Quy chế làm việc của Lãnh đạo Sở; Quy chế làm việc của thủ trưởng các đơn vị trực thuộc; Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công, Quy chế sử dụng xe ô tô... Sao gửi các tài liệu, văn bản liên quan về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cho các phòng, cơ quan, đơn vị trực thuộc để học tập và nghiên cứu, thực hiện; nắm chắc Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và nhận thức đúng ý nghĩa của công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, đơn vị.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Việc xây dựng Chương trình hành động, kế hoạch để chỉ đạo, được các đơn vị thực hiện nghiêm túc, gắn việc chỉ đạo thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí với việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, đã làm chuyển biến khá rõ nét về nhận thức, nâng cao trách nhiệm, ý thức tự rèn luyện về đạo đức lối sống, về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; công chức, viên chức.

- Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí được tăng cường; công khai, dân chủ, bàn bạc, thảo luận, góp ý các vấn đề liên quan đến dự toán, quyết toán thu chi ngân sách hàng năm; việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức; phát huy vai trò làm chủ của công chức, viên chức trong việc giám sát, kiểm tra quá trình chấp hành Quy chế dân chủ cơ sở của cơ quan, đơn vị; thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra, thanh quyết toán tại các đơn vị trực thuộc. Trong 02 năm qua Sở Nông nghiệp và PTNT không xảy ra vi phạm, gây lãng phí.

II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

a) Thực hành tiết kiệm trong quản lý sử dụng kinh phí chi quản lý hành chính

- Công tác quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên được quản lý, kiểm soát chặt chẽ từ khâu lập đến chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước; các đơn vị đã chủ động sử dụng ngân sách trong phạm vi dự toán được giao, chấp hành đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ đã ban hành.

* Kết quả năm 2014 các đơn vị trong toàn ngành đã tiết kiệm được: 1.395.660.216 đồng từ nguồn tiết kiệm chi quản lý hành chính để chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức; bình quân: 470.000 đồng/người/tháng.

(Chi tiết Phụ lục số 01 kèm theo)

b) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

- Việc quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị làm việc được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc tại Quyết định số 170/2006/QĐ-TTg ngày 18/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ; tuân thủ theo trình tự mua sắm và thực hiện thẩm định giá theo quy định; cơ chế công khai, kiểm tra, giám sát được quy định chặt chẽ, góp phần khắc phục tình trạng mua sắm, trang bị tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức.

- Việc sử dụng xe ô tô: Đơn vị đã ban hành Quy chế quản lý, vận hành xe ô tô, sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, không sử dụng cho mục đích cá nhân; xây dựng định mức nhiên liệu đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

c) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi

- Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý đầu tư xây dựng ngay từ khâu khảo sát, thiết kế, thẩm tra, thẩm định, tổ chức đấu thầu, thi công xây dựng, thanh quyết toán công trình; thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra trong việc chấp hành các quy định, quy trình quản lý dự án và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng, góp phần nâng cao kỷ luật tài chính trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư của nhà nước: Số tiền tiết kiệm qua công tác thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán các công trình đầu tư xây dựng thủy lợi là 1.811 triệu đồng; số tiền tiết kiệm được qua công tác đấu thầu, chỉ định thầu là 134 triệu đồng;

- Việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc của đơn vị đã thực hiện đúng mục đích, định mức và tiêu chuẩn; bố trí phòng làm việc cho cán bộ công chức, viên chức theo quy định của nhà nước.

d) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và cơ chế chế giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ đã thúc đẩy việc rà soát, sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh

gọn, bố trí sử dụng cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với năng lực chuyên môn và yêu cầu vị trí công tác; phát huy được vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và từng tập thể cá nhân trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí

Qua kết quả kiểm tra, thanh tra, kiểm toán không có kết luận hành vi lãng phí và kiến nghị xử lý hành vi lãng phí, xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

III. Đánh giá chung

1. Đánh giá kết quả đạt được

- Công tác lãnh, chỉ đạo thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được lãnh đạo Sở, thủ trưởng các đơn vị đặc biệt quan tâm, chú trọng và hàng năm đã bám sát các nội dung quy định của Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí và các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để xây dựng chương trình, kế hoạch đề ra các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể gắn với từng nhiệm vụ chính trị của đơn vị tạo điều kiện bổ sung tăng thu nhập cho cán bộ, công chức và nâng cao hiệu quả lao động

- Cán bộ, công chức, viên chức đã có ý thức tiết kiệm và không gây lãng phí trong mọi hoạt động của cơ quan, trong quản lý, sử dụng tài sản, kinh phí quản lý hành chính... góp phần tiết kiệm thêm ngân sách nhà nước.

- Công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng nhà nước được tăng cường, qua đó đã kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế, thiếu sót trong công tác quản lý đầu tư xây dựng các công trình, dự án.

2. Những tồn tại, hạn chế

- Công tác lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán cũng như công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát trong quá trình thi công xây dựng các công trình, dự án đầu tư xây dựng còn hạn chế, sai sót dẫn đến phải thu hồi, giảm trừ qua kết quả thanh tra, kiểm toán.

- Công trình xây dựng kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn qua thành phố Tuyên Quang có nhiều vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dẫn đến chậm tiến độ dự án và việc bố trí nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình kè bảo vệ sông Gâm hạ lưu nhà máy thủy điện Tuyên Quang còn hạn chế dẫn đến phải tạm dừng thi công, phát sinh trượt giá.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp

1. Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đầy đủ kịp thời các quy định pháp luật của nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến 100% công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị để thực hiện; tăng cường tập huấn nghiệp vụ để nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn để giảm thiểu sai sót, nhầm lẫn trong quá trình thực hiện công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

2. Hàng năm xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đề ra các mục tiêu, giải pháp, biện pháp thực hành tiết kiệm cụ thể trong quản lý sử dụng kinh phí hoạt động thường xuyên, quản lý sử dụng phương tiện, tài sản, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý sử dụng lao động, thời gian lao động... gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao; kịp thời rà soát, đánh giá, sửa đổi bổ sung và tổ chức thực hiện tốt các quy chế của đơn vị như: Quy chế làm việc, Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở, Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý sử dụng tài sản công. Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả công tác; thực hiện tốt các quy định về công khai, minh bạch, dân chủ trong cơ quan, đơn vị để tạo điều kiện kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng thực hiện các cuộc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán tại đơn vị theo kế hoạch; giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo theo đúng thẩm quyền, quy định;

4. Thực hiện nghiêm việc đánh giá, sơ kết, tổng kết và chế độ báo cáo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trân trọng báo cáo./././

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (Tổng hợp);
- Lãnh đạo Sở;
- Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, KH-TC.

GIÁM ĐỐC



Lê Tiến Thắng

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2014
(Kèm theo Báo cáo số 117/BC-SNN ngày 20/01/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2013	Kết quả thực hiện năm 2014				Ghi chú
				Kế hoạch của năm 2014	Kết quả thực hiện năm 2014	So sánh với năm trước và kế hoạch		
						So sánh với năm 2013	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chỉ thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN		1.270.202	1.415.400	1.395.660	109,87	98,60	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng	839.772	924.900	888.265	83,90	96,00	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2013	Kết quả thực hiện năm 2014				Ghi chú
				Kế hoạch của năm 2014	Kết quả thực hiện năm 2014	So sánh với năm trước và kế hoạch		
						So sánh với năm 2013	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng						Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng						
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng						
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng						
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng						
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng						
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn; mức khoán chi được duyệt
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							
	Thăm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	430.430	490.500	507.395	117,9	103,44	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2013	Kết quả thực hiện năm 2014				Ghi chú
				Kế hoạch của năm 2014	Kết quả thực hiện năm 2014	So sánh với năm trước và kế hoạch		
						So sánh với năm 2013	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	450,5	450,0	1.945,0	-	-	Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng	446,0	450,0	1.811,0			
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng	4,5		134,0			
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2013	Kết quả thực hiện năm 2014				Ghi chú
				Kế hoạch của năm 2014	Kết quả thực hiện năm 2014	So sánh với năm trước và kế hoạch		
						So sánh với năm 2013	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
2	Trụ sở làm việc		7.424,0		7.424,0			
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	7.424,0		7.424,0			
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ		420,0		420,0			
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	420,0		420,0			
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2013	Kết quả thực hiện năm 2014				Ghi chú
				Kế hoạch của năm 2014	Kết quả thực hiện năm 2014	So sánh với năm trước và kế hoạch		
						So sánh với năm 2013	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tân (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	dự án						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2013	Kết quả thực hiện năm 2014				Ghi chú
				Kế hoạch của năm 2014	Kết quả thực hiện năm 2014	So sánh với năm trước và kế hoạch		
						So sánh với năm 2013	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	triệu đồng						
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	chiếc						
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	chiếc						
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	triệu đồng						
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	chiếc						
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	chiếc						
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	<i>Số đầu kỳ</i>	triệu đồng						
	<i>Số cuối kỳ</i>	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	<i>Số đầu năm</i>	triệu đồng						
	<i>Số cuối kỳ</i>	triệu đồng						
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THTK, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2013	Kết quả thực hiện năm 2014				Ghi chú
				Kế hoạch của năm 2014	Kết quả thực hiện năm 2014	So sánh với năm trước và kế hoạch		
						So sánh với năm 2013	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						

Key